

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 10 - 9 - 2025
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn H, Y, xã Y, tỉnh Ninh Bình; “vắng mặt”;

- Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm C, H, xã H, tỉnh Ninh Bình; “vắng mặt”;

- Người làm chứng: Anh Trần Văn D, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm C, H, xã H, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Trần Văn T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình) ngày 27/7/2023 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông chia sẻ và không tìm được tiếng nói chung dẫn đến hay cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên hai người đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024, chấm dứt mọi sự quan tâm, trách nhiệm với nhau từ đó. Nay chị T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên xin được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 không có con chung, hiện chị T không có thai nghén nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 19/2025/TLST – HNGĐ, ngày 15/7/2025, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là anh Trần Văn T1 để anh T1 biết và có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu xin ly hôn của chị T gửi Tòa án và đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh T1 không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T gửi Tòa án và cũng không đến Tòa làm việc mà không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2025, người làm chứng anh Trần Văn D trình bày: Anh Duy là anh con bác ruột của anh Trần Văn T1. Anh T1 và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn và không có con chung như chị T trình bày là đúng. Cuộc sống vợ chồng chị T và anh T1 không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ lâu, nguyên nhân vì sao thì anh D không biết. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án gửi cho anh T1, anh D nhận thay và đều đã thông báo cho anh T1 biết nhưng anh T1 bận công việc, đi làm ăn ở xa nên không thể đến Tòa án làm việc được, anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, việc thụ lý, giải quyết, thu thập tài liệu chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Cho ly hôn giữa chị Đào Thị T và anh Trần Văn T1;

Các vấn đề khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn anh Trần Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, người làm chứng anh Trần Văn D có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Trần Văn T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình) ngày 27/7/2023 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng ý kiến, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay chấm dứt mọi sự quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị T, Hội đồng xét xử thấy: thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh T1 không hạnh phúc; khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm, vợ chồng sống ly thân đã hơn một năm nay không quan tâm đến nhau; mặt khác anh T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc chị T xin ly hôn nhưng đến nay không có văn bản ghi ý kiến gửi Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã chứng tỏ anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Trần Văn T1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đào Thị T và anh Trần Văn T1 không có con chung. Hiện nay chị T không có thai nghén.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Đào Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đào Thị T và anh Trần Văn T1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị T phải nộp án phí ly hôn 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000374 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Đào Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đào Thị T và bị đơn anh Trần Văn T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Hải Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Xuân